

Số: 79/2020/QĐST- HNGĐ

Ch S, ngày 24 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ K, xã Ch P, huyện Ch S, tỉnh G L.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc Ph, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ K, xã Ch Pong, huyện Ch S, tỉnh G L (Anh Phương bị câm và điếc).

Người đại diện hợp pháp của anh Phương có bà Trần Thị Th, là mẹ ruột của anh Ph.

Địa chỉ: Thôn Đ K, xã Ch P, huyện Ch S, tỉnh G L

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị X và anh Trần Ngọc Ph.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị X và anh Ph có 03 con chung, tên các cháu là Trần Ngọc B, sinh ngày 14/6/2006, cháu Trần Thị Khánh Nh, sinh ngày 02/3/2009 và cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 05/3/2014.

Chị X, anh Ph và người đại diện của anh Ph thống nhất thỏa thuận và phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu Nh. Giao 03 cháu Trần Ngọc B, Trần Thị Khánh Nh và Trần Ngọc N cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị X đã tự nguyện rút yêu cầu buộc anh Trần Ngọc Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Ph không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50% án phí sơ thẩm, chị Lê Thị X và anh Trần Ngọc Ph mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên chị X tự nguyện nộp thay phần án phí mà anh Ph phải nộp, nên phần án phí mà chị X phải nộp là 150.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002962 ngày 22/7/2020 của Chi cục thi hành án huyện Ch S, tỉnh G L để sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho chị Trần Thị X tiền tạm ứng án phí chênh lệch còn lại là 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Ch S (02 bản);
- UBND xã M Ph, huyện M L, tỉnh N Đ (01 bản);
- Chi cục THADS huyện Ch S.
- Lưu hồ sơ (01 bản);

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu

